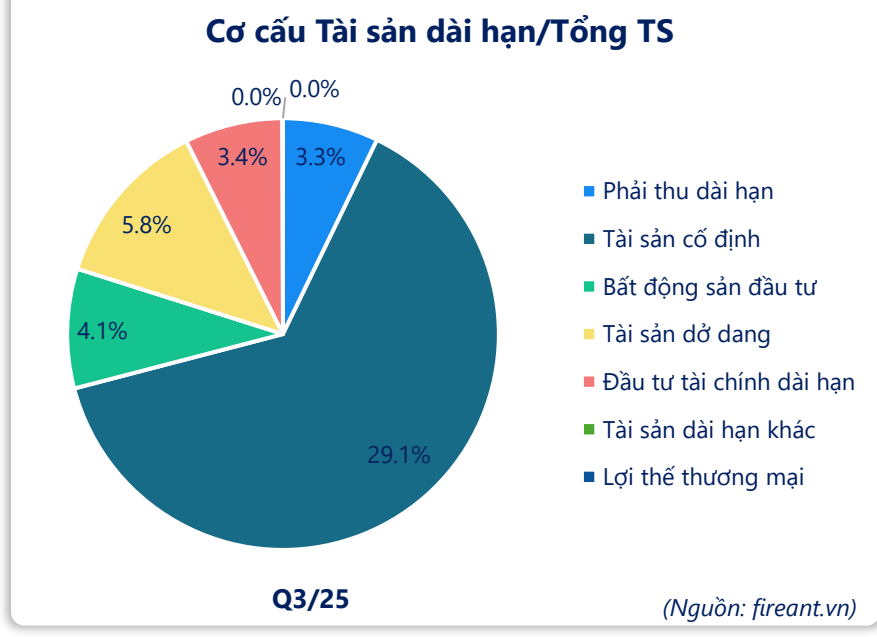
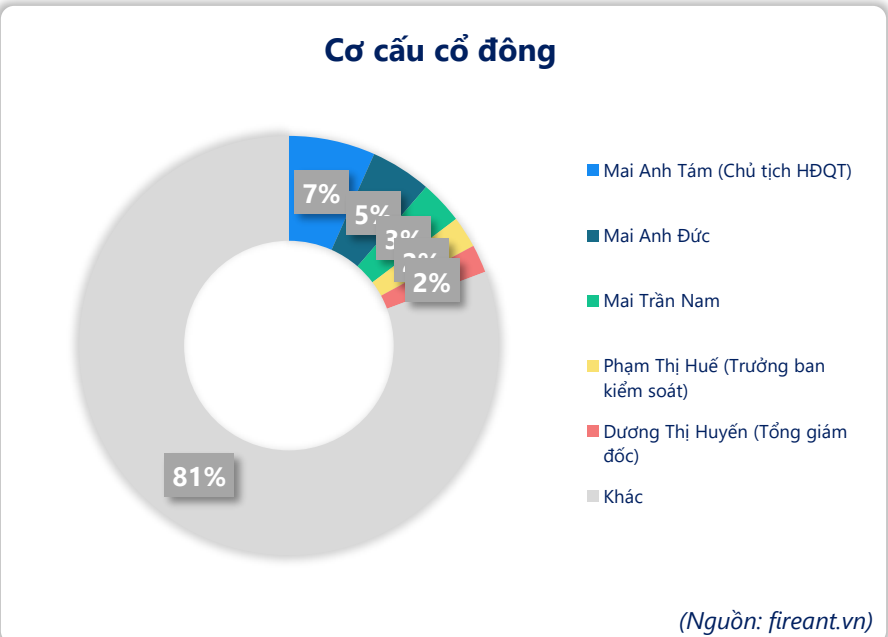
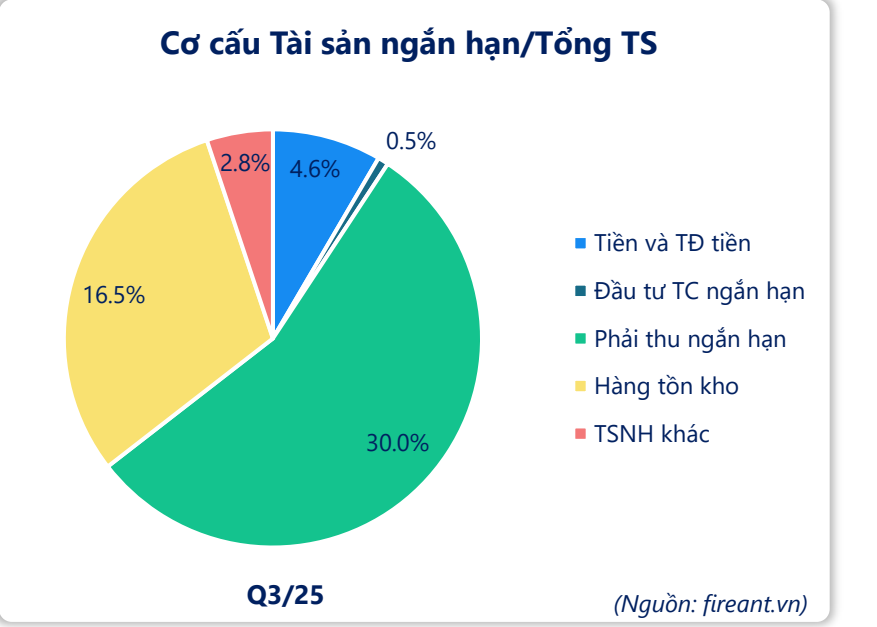
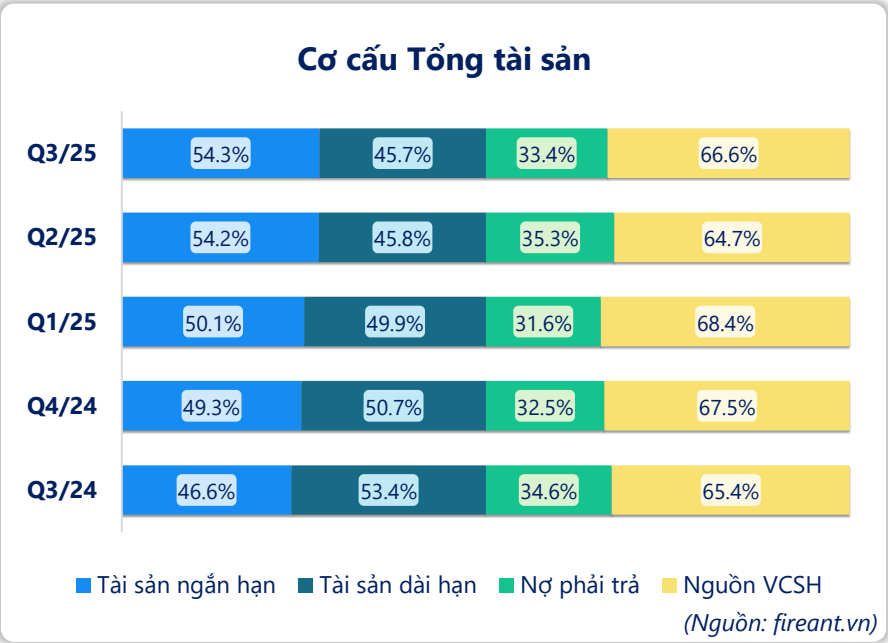
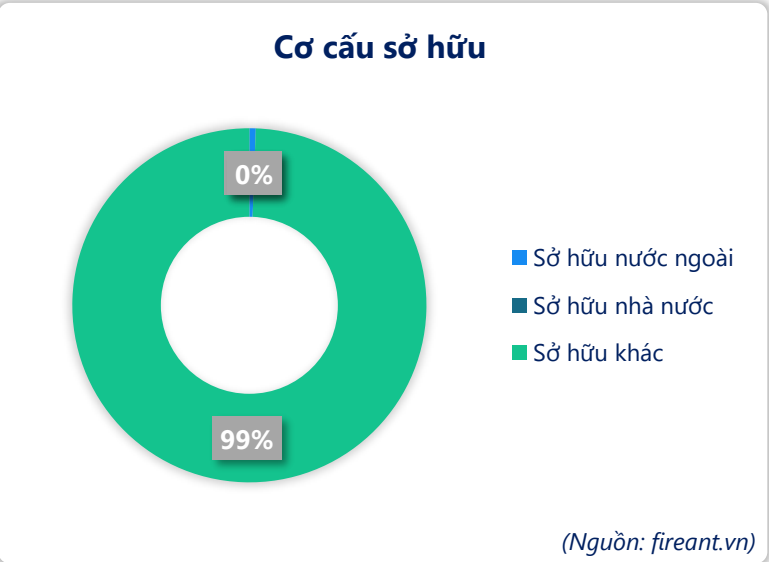
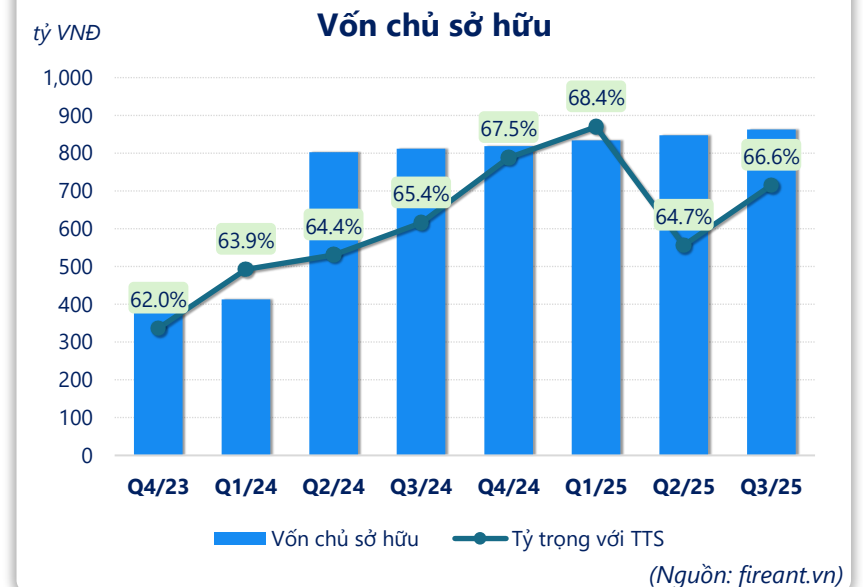
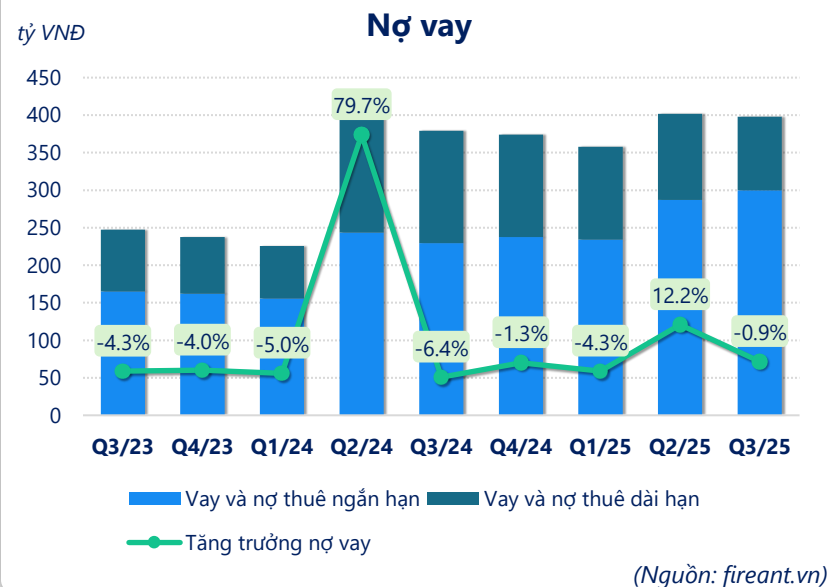
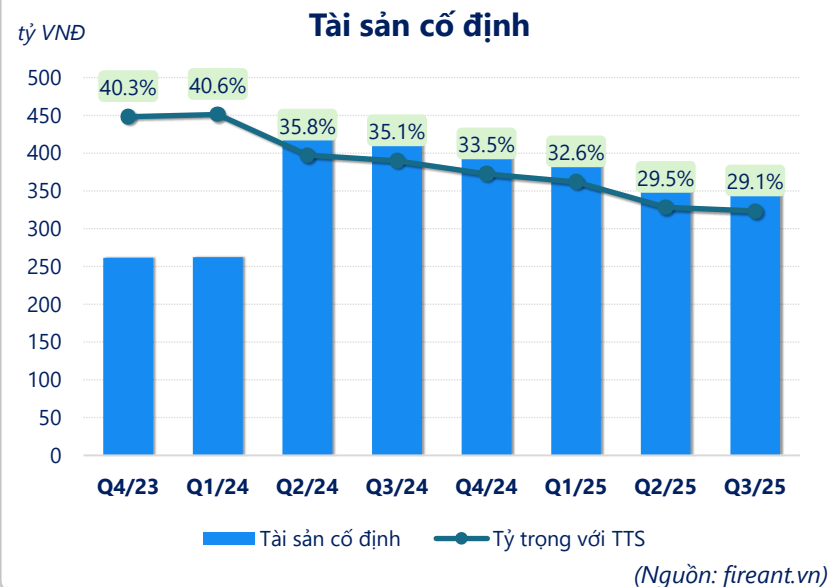
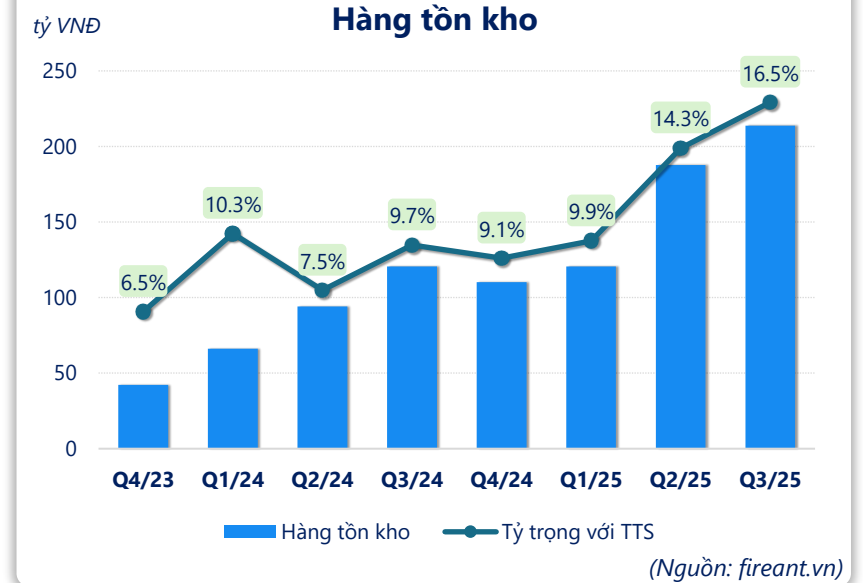
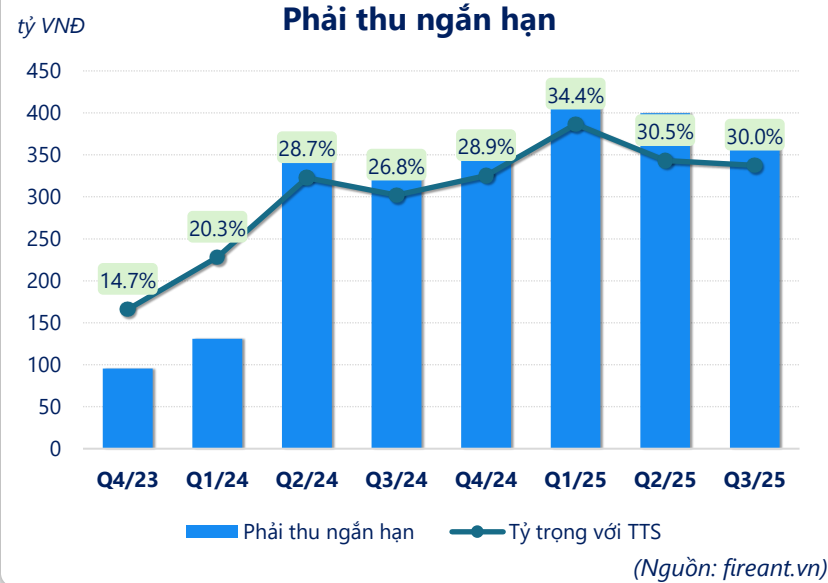
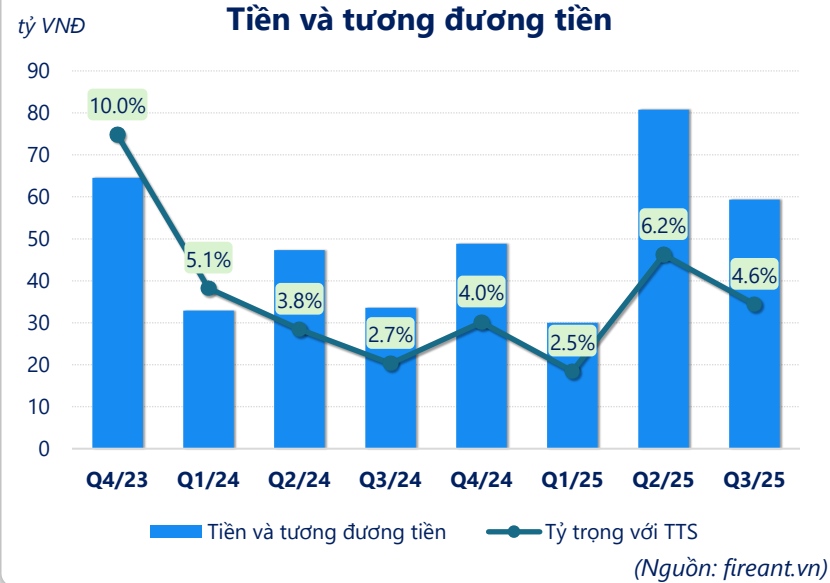
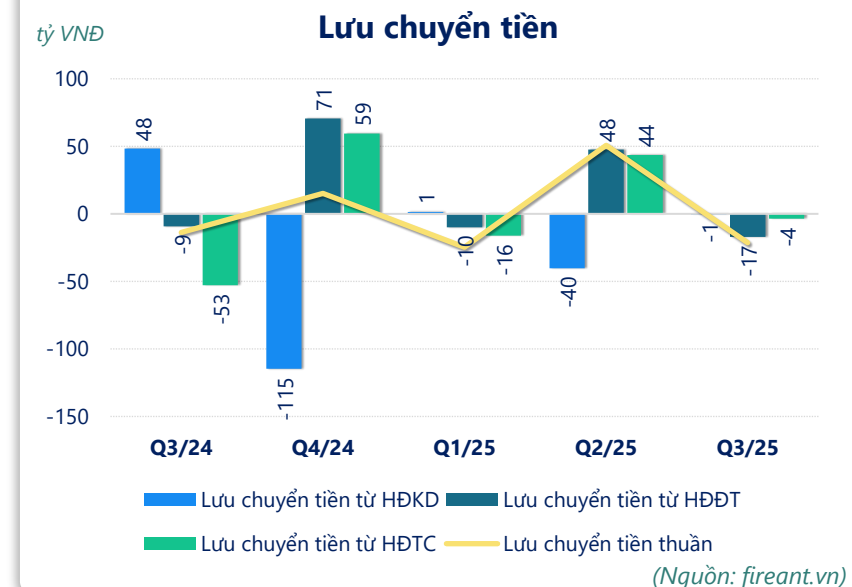
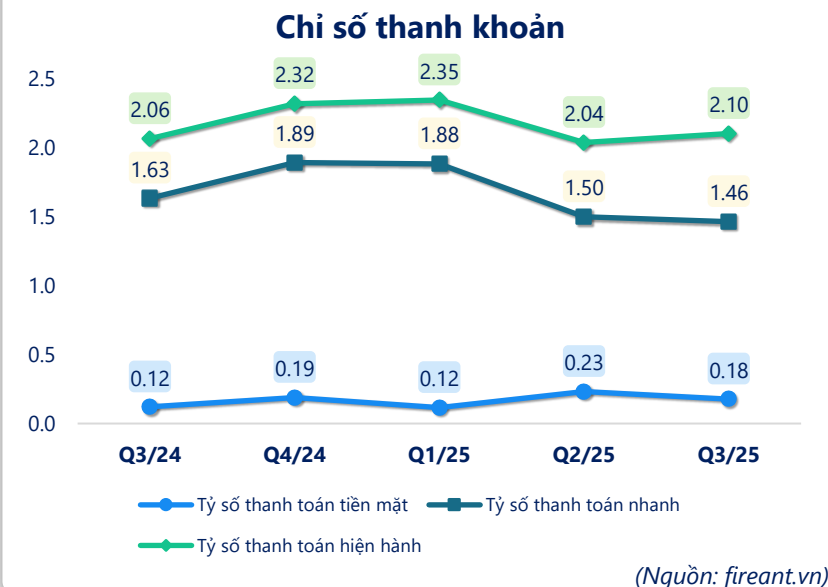
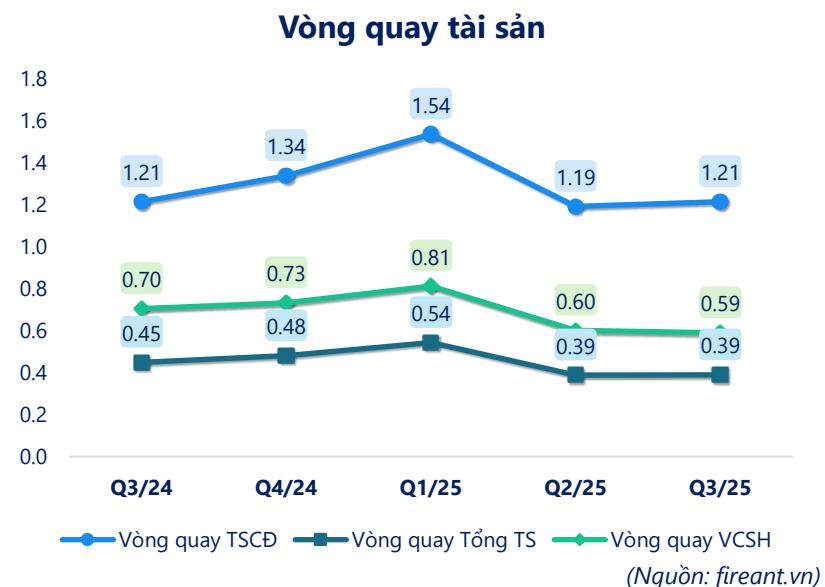
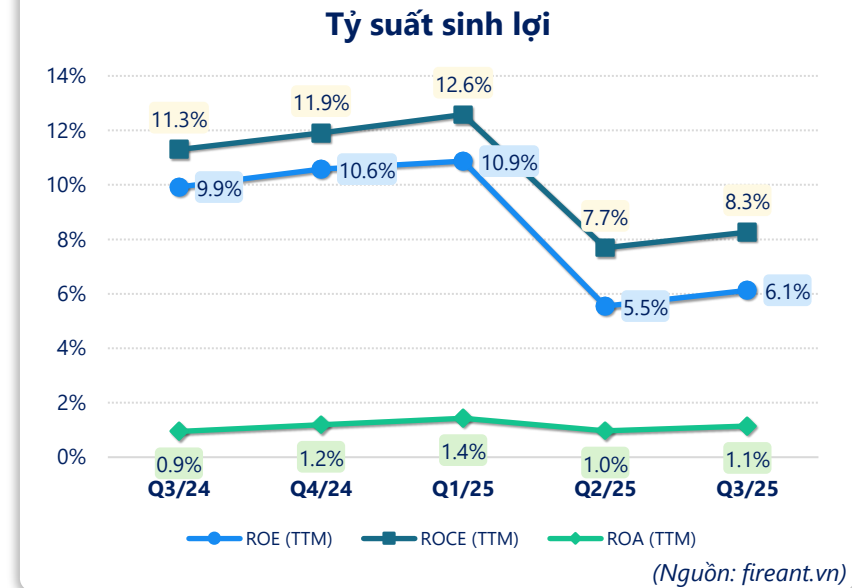
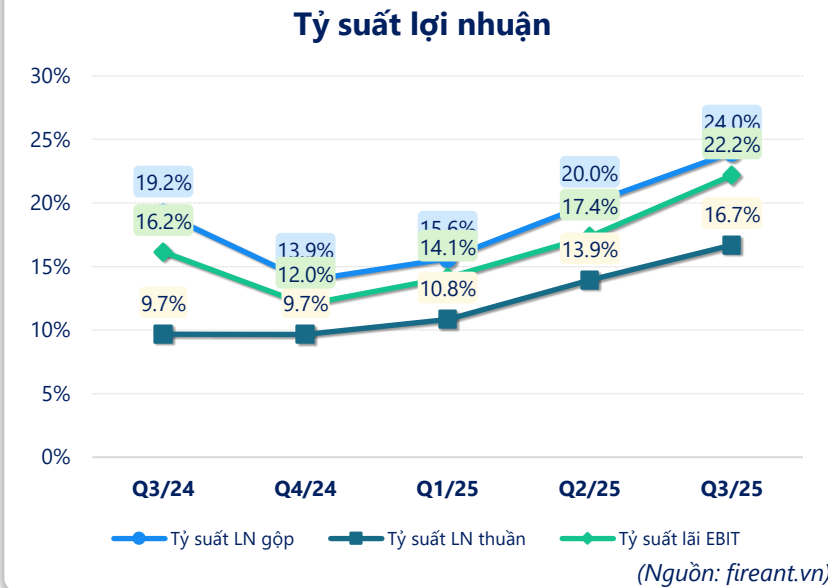
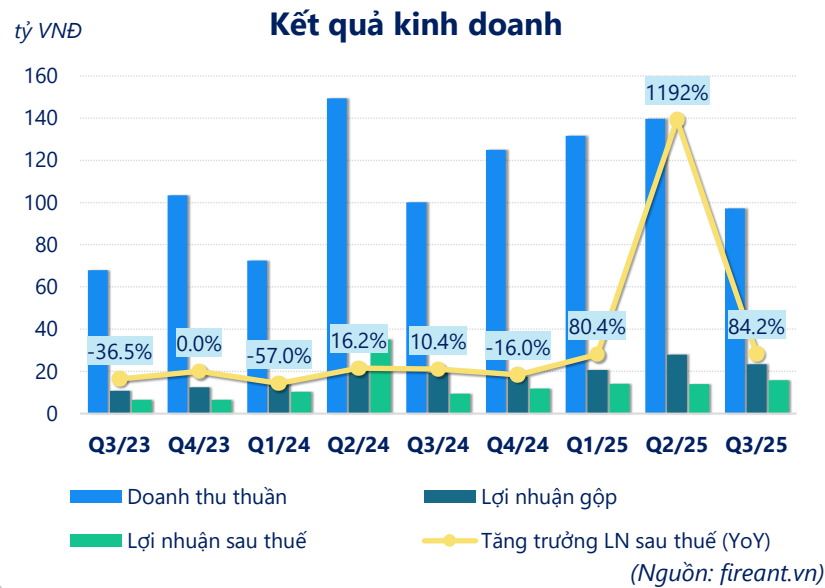


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,820
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,789
SL cổ phiếu LH		68,399,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,397,623
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		672
P/E		13.1
EPS		750

	YTD	1T	3T	6T
CRC	64.6%	-15.0%	2.0%	47.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,295	1,215	6.6%
Tài sản ngắn hạn	704	597	17.8%
Tiền và tương đương tiền	59.4	54.7	8.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.83	3.98	46.4%
Phải thu ngắn hạn	389	390	-0.3%
Hàng tồn kho	214	110	95.0%
Tài sản ngắn hạn khác	36.0	38.9	-7.5%
Tài sản dài hạn	591	618	-4.3%
Phải thu dài hạn	42.5	42.5	0.0%
Tài sản cố định	377	407	-7.3%
Bất động sản đầu tư	53.0	53.0	0.0%
Tài sản dở dang	75.2	72.8	3.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	43.5	41.4	5.0%
Tài sản dài hạn khác	0.26	1.47	-82.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	433	394	9.7%
Nợ ngắn hạn	335	258	29.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	300	238	26.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	14.1	21.0%
Nợ dài hạn	98.1	137	-28.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	98.1	136	-28.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	862	820	5.1%
Vốn chủ sở hữu	862	820	5.1%
Vốn điều lệ	684	600	14.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	100	125	132	140	97.2
Giá vốn hàng bán	80.9	108	111	112	73.9
Lợi nhuận gộp	19.2	17.4	20.6	27.9	23.3
Doanh thu HĐTC	0.30	1.36	0.04	0.08	0.04
Chi phí TC	6.49	4.57	4.34	6.21	5.33
Chi phí lãi vay	6.49	2.95	4.34	6.21	5.33
LN trong công ty LKLD	0	0.21	0	0.53	0
Chi phí bán hàng	0.42	0.00	0	0.11	0
Chi phí QLDN	2.91	2.28	1.99	2.71	1.79
LN thuần từ HĐKD	9.69	12.1	14.3	19.4	16.2
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	-0.01	-1.41	0.00
LN trước thuế	9.68	12.1	14.3	18.0	16.2
Lợi nhuận sau thuế	9.47	11.9	14.0	13.9	15.8
LNST của CĐ cty mẹ	8.96	11.0	13.3	12.5	14.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.3	-115	1.45	-40.4	-0.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.14	70.5	-9.99	47.5	-17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.8	59.4	-16.1	43.6	-3.67
Tiền đầu kỳ	47.3	33.6	54.7	30.0	80.7
Lưu chuyển tiền thuần	-13.7	15.2	-24.7	50.7	-21.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.6	48.8	30.0	80.7	59.4

(Nguồn: fireant.vn)